TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH THAÍ NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H Phúc**

Bản án số: 32/2019/HS-ST
Ngày 07/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Long

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Khoa- Công chức Tư pháp UBND xã B

2. Ông Nguyễn Quang Hợp – Cán bộ nghỉ hưu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Nguyễn Như Hảo - Kiểm sát viên

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại hội trường UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số: 27 /2019/TLST-HS ngày 12/4/2019 theo Quyết đinh đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T, sinh ngày 27/7/1996** tại xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Xóm C, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Học vấn: 7/12

Bố đẻ: Nguyễn Văn Q – đã chết; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H- 1970. Vợ: Chưa có.

Tiền án: 1. Tại bản án số 56A/2018/HSST ngày 24/10/2018 của TAND huyện Y, tỉnh Bắc Giang xử phạt Nguyễn Văn T 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án về tội "trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 07/12/2018 – Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: 1. Nguyễn Thị H - 1951. (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm G, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

2. Đỗ Văn T – 1971 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm C, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

3. La Văn Đ- 1970 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm 7, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Người làm chứng: 1. Nguyễn Thị M - 1972 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm G, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

2. Nguyễn Thị C- 1962

Trú tại: Xóm 7, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

3.Lê Văn C- 1970 (Có mặt)

Trú tại: Xóm Duyên, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

4.Trần Văn Đạt, -1964 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm C, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 07/12/2018 Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô BKS 20F1-393.16 từ nhà tại xóm C, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên sang xã V xem có ai sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến khu vực xóm 7, xã V thì T phát hiện có 01 con trâu đực màu đen khoảng 06 năm tuổi đang ăn cỏ tại khu vực cánh đồng (Đây là con trâu của anh La Văn Đ đang thả tại đó). Thấy không có ai trông coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp. T dựng xe trên đường bê tông liên xóm và đến khu vực con trâu đang ăn cỏ. Thấy con trâu buộc vào cây cọc đóng ở ruộng nỗi với đoạn dây thừng dài khoảng 15m. T dùng tay cởi dây thừng và dắt con trâu lên khu vực để xe máy. Sau đó một tay dắt trâu và điều khiển xe máy về hướng xã K để tìm nơi tiêu thụ. Khi đi được khoảng 01 km T để trâu ăn cỏ ở rìa đường và đi xe máy vào nhà chị N ở xóm D, xã K gửi xe máy tại đó. Sau đó quay lại chỗ con trâu dắt trâu vào nhà anh Lê Văn C ở xóm D xã K là người buôn bán trâu để bán. Sau khi xem xét anh C trả con trâu với giá 22.000.000 đồng. Do nghi ngờ trâu trộm cắp nên anh C có điện thoại cho anh Nguyễn Văn T là công an viên của xóm đến chứng kiến việc mua bán trâu. Khi anh T đến hỏi T ở đâu và làm giấy mua bán trâu. T viết giấy mua bán với tên là Nguyễn Văn H ở xóm 2, xã L. Anh Thắng điện hỏi công an xã L để xác minh thì biết sự việc bị lộ nên T bỏ cháy. Anh T cùng mọi người đuổi bắt T và đưa T về công an xã K để làm việc. Vụ việc được chuyển đến cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ giải quyết theo thẩm quyền.

Tại cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ, Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra T còn khai sáng ngày 06/12/2018 T một mình đi sang khu vực xón Đ, xã K xem có nhà nào sơ hở thì trộm cắp. Khi đến khu vực xóm G, xã K phát hiện thấy 02 con trâu đang ăn cỏ ngoài đồng không có ai trông coi. (Sau này phát hiện là trâu của gia đình bà Nguyễn Thị H). T đến khu vực buộc trâu rồi cởi dây thừng 01 con trâu dắt về nhà. Trên đường dắt trâu về nhà thì T gặp chị Nguyễn Thị M. Chị M hỏi T dắt trâu đi đâu thì T trả lời là dắt trâu thuê sang xã V. Sau đó T dắt trâu đến khu nhà bỏ hoang của gia đình ông Nguyễn Văn D ở xóm C, xã K buộc trâu vào trong nhà bếp để chờ thời cơ tiêu thụ. Khoảng 18 giờ cùng ngày T nghe nói là có gia đình bị mất trâu nhưng đã tìm thấy nên T không quay lại tìm trâu nữa và đi về nhà ngủ. Sáng hôm sau, ngày 07/12/2018 vào khoảng 8 giờ T một mình đi bộ dọc theo mương thoát nước thuộc địa phạn giáp ranh giữa hai xã K và V để thăm bẫy chim. Khi đi đến khu vực nghĩa trang xã V, cách chỗ đặt bẫy chim khoảng 05m, T thấy 01 con

trâu đực màu đen khoảng 02 năm tuổi đang buộc tại đó. Sau này phát hiện là trâu của gia đình anh Đỗ Văn T trú tại xóm C, xã V. T quan sát thấy không có ai trông coi nên T đi lại chỗ con trâu đang buộc tháo dây thừng dắt trâu về khu vực xóm C, xã K cách vị trí ban đầu khoảng 1,5km buộc trâu tại đó. Sau đó T về nhà ăn cơm. Ăn cơm xong T đi ra chỗ buộc trâu thì gặp anh Trần Văn Đ là người cùng xóm. Anh Đ hỏi trâu của ai thì T nói là trâu ăn ngô, ý nói với anh Đ là trâu lạc. Sau đó T đi đến nhà anh Ngô Văn C ở xóm Đ3, xã K nhờ anh C ra xem con trâu được bao nhiêu tiền. Khi anh C và T ra chỗ buộc trâu thì vẫn thấy anh Đ ở đó. Anh Đ hỏi anh C con trâu này bao nhiêu tiền thì anh C trả lời là 25.000.000 đồng. Khi anh C và T đang xem trâu thì anh Đặng Văn Q ở xóm 2, xã V được anh T nhờ đi tìm trâu, phát hiện ra trâu của nhà anh T, anh Q đã điện báo cho anh T biết. Sợ bị phát hiện nên T đã bỏ đi.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã tiến hành trưng cầu định giá số tài sản mà T đã trộm cắp.Tại kết luận định giá tài sản của HĐ định giá TS trong TTHS số 101 ngày 29/12/2018 kết luận: Tổng giá trị 03 con trâu mà T trộm cắp là 73.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 30/ CT-VKSĐT ngày 11/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện VKSND huyện Đ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; khoản 5 Điều 65 của BLHS xử phạt bị cáo T mức án từ 36 tháng đến 42 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án số 56A/2028/HS-ST của TAND huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang là 08 tháng tù và chịu án phí theo quy định

Bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã Đ tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1}. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2.}Về căn cứ buộc tội:

- Bị cáo T khai: Sáng ngày 06/12/2018 bị cáo một mình đi sang khu vực xón Đ, xã K xem có nhà nào sơ hở thì trộm cắp. Khi đến khu vực xóm G, xã K phát hiện thấy 02 con trâu đang ăn cỏ ngoài đồng không có ai trông coi. Bị cáo đến khu vực buộc trâu rồi cởi dây thừng 01 con trâu dắt về nhà. Trên đường dắt trâu về nhà thì bị cáo gặp chị Nguyễn Thị M. Chị M hỏi dắt trâu đi đâu thì bị cáo

trả lời là dắt trâu thuê sang xã V. Sau đó bị cáo dắt trâu đến khu nhà bỏ hoang của gia đình ông Nguyễn Văn D ở xóm C, xã K buộc trâu vào trong nhà bếp để chờ thời cơ tiêu thụ. Khoảng 18 giờ cùng ngày bị cáo nghe nói là có gia đình bị mất trâu nhưng đã tìm thấy nên bị cáo không quay lại tìm trâu nữa và đi về nhà ngủ. Sáng hôm sau, ngày 07/12/2018 vào khoảng 8 giờ bị cáo một mình đi bộ dọc theo mương thoát nước thuộc địa phạn giáp ranh giữa hai xã K và V để thăm bẫy chim. Khi đi đến khu vực nghĩa trang xã V, cách chỗ đặt bẫy chim khoảng 05m, bị cáo thấy 01 con trâu đực màu đen khoảng 02 năm tuổi đang buộc tại đó. Sau này phát hiện là trâu của gia đình anh Đỗ Văn T trú tại xóm C, xã V. Bị cáo quan sát thấy không có ai trông coi nên đã đi lại chỗ con trâu đang buộc tháo dây thừng dắt trâu về khu vực xóm C, xã K cách vị trí ban đầu khoảng 1,5km buộc trâu tại đó. Sau đó bị cáo về nhà ăn cơm. Ăn cơm xong bị cáo đi ra chỗ buộc trâu thì gặp anh Trần Văn Đ là người cùng xóm. Anh Đ hỏi trâu của ai thì bị cáo nói là trâu ăn ngô. Sau đó bị cáo đi đến nhà anh Ngô Văn C ở xóm Đ 3, xã K nhờ anh C ra xem con trâu giá bao nhiêu tiền. Khi anh C và bị cáo ra chỗ buộc trâu thì vẫn thấy anh Đ ở đó. Anh Đ hỏi anh C con trâu này bao nhiêu tiền thì anh C trả lời là 25.000.000 đồng. Khi anh C và bị cáo đang xem trâu thì anh Đặng Văn Q ở xóm 2, xã V được anh T nhờ đi tìm trâu, phát hiện ra trâu của nhà anh T, anh Q đã điện báo cho anh T biết. Sợ bị phát hiện nên bị cáo đã bỏ đi. Đến khoảng 13 giờ ngày 07/12/2018 bị cáo đi xe máy sang xã V xem có ai sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến Xóm 7, xã V phát hiện có 01 con trâu tại cánh đồng. Bị cáo đã trộm cắp đem về bán cho anh Lê Văn C bán cho anh C thì bị phát hiện bắt quả tang.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, kết luận định giá, lời khai người làm chứng. Như vậy hành vi lén lút trộm cắp 03 con trâu trị giá 73.000.000 đồng của Nguyễn Văn T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" phạm vào điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS.

Tại Điều 173 của BLHS quy định:

1. "Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồngnhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng".

Do vậy bị cáo phải chịu hình phạt mà Điều luật quy định.

{3}. Xét tính chất hành vi:

Xét về tính chất hành vi của bị cáo là nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà trong vụ án này là chị Nguyễn Thị H, anh La Văn Đ và anh Đỗ Văn T. Hành vi đó còn làm mất trật tự an toàn xã hội.

{4}. Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy bị cáo phải chịu 02 tình tiết tăng nặng đó là "Phạm tội 02 lần trở lên" và "Tái phạm" quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Xét tình tiết giảm nhẹ TNHS thì thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do vậy bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

{5}. Về hình phạt:

Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì cần xử bị cáo mức án từ 36 đến 42 tháng tù là phù hợp. Bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách nên cần áp dụng khoản 5 Điều 65 của BLHS buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 08 tháng tù, cho hưởng án treo của bản án 56A/2018/HSST ngày 24/10/2018 của TAND huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Tổng hợp hình phạt của 02 bản án từ 44 tháng đến 50 tháng tù.

{6}.Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại, nay bị hại không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét.

{7}. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định sung công quỹ nhà nước.

{8}. Về vật chứng. Chiếc xe mô tô 20F1- 393.16 mà T làm phương tiện đi trộm cắp qua điều tra xác minh là tài sản của anh Nguyễn Văn H, khi T sử dụng anh H không biết nên cơ quan CSĐT – Công an huyện Đ đã trả lại cho anh H. 01 cọc gỗ, 01 đoạn dây thừng dái 5,9m cần tịch thu tiêu hủy.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Nguyễn Văn T phạm tội; "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173 ; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g, h khoản 1 Điều 52; khoản 5 Điều 65, Điều 56 của BLHS. Điều 329 của BLTTHS.

Xử phạt: Nguyễn Văn T: 36 tháng tù. Buộc bị cáo T chấp hành hình phạt của 56A/2018/HSST ngày 24/10/2018 của TAND huyện Y, tỉnh Bắc Giang là 08 tháng tù cho hưởng án treo là 08 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của 02 bán án bị cáo T phải chấp hành là 44 tháng tù. Được trừ thời gian tạm giữ cảu bản án số 56A/2018 ngày 24/10/2018 từ ngày 14/6/2018 đến ngày 23/6/2018.Thời hạn thụ hình còn lai tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 07/12/2018. Tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án.

*** Về án phí**: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí APHS sung C.

* Về vật chứng. Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây thừng, 01 cộc gỗ. (QĐ chuyển vật chứng số 25/QĐ-VKSĐT ngày 11/4/2019 của VKSND huyện Đ)

Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.Người bị hại biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết tại UBND xã nơi cư trú./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- C an huyện Đ (3b);
- VKSND huyện Đ (1b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Chi cục THADS H. Đ (1b);
- THAHS (02b);
- Bị cáo (2b);
- Lưu hồ sơ (1b).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

LƯƠNG ĐỨC LONG